TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2025
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Gấm và ông Nguyễn Bá Tuyên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 61/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 02/7/1993 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn F, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/02/1991 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn F, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông ngày 05/11/2012, việc kết hôn được dựa trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa anh chị không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, chị N và anh T không còn sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay nên chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/02/2014 và Nguyễn Gia P, sinh ngày

22/02/2016, sau khi chị N và anh T không còn sống chung với nhau thì con chung ở với chị N. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngày 20/5/2025 chị Nguyễn Thị N có đơn xét xử vắng mặt.

Theo lời khai của các con chung Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn Gia P: Cháu T1 và cháu P có nguyện vọng được ở với chị Nguyễn Thị N.

- *Đối với anh Nguyễn Văn T.* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã phối hợp với chính quyền địa phương lập biên bản về việc không tống đạt được văn bản của Tòa án và niêm yết theo quy định của pháp luật để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Kết quả thu thập chứng cứ: Đại diện chính quyền địa phương cung cấp, anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn F, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, hiện nay anh T đang sinh sống tại địa phương nhưng thường xuyên không có mặt ở nhà nên Tòa án không thể tống đạt văn bản trực tiếp cho anh T được. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh T và chị N không báo với địa phương nên không nắm được thông tin mâu thuẫn giữa chị N và anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và việc giải quyết vụ án:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi đưa vụ án ra xét xử mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ vắng mặt anh T đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, cụ thể:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc ly H với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/02/2014 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 22/02/2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị Nguyễn Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với anh Nguyễn Văn T. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T hiện đang cư trú tại thôn F, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về việc chấp hành pháp luật của bị đơn.*

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật, trước khi mở phiên tòa, chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228, Tòa xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N theo quy định.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T không chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án anh T không hợp tác với Tòa án để làm việc, sau khi đưa vụ án ra xét xử anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[3]. *Về nội dung vụ án:*

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật trên cơ sở tự nguyện, đời sống hôn nhân giữa chị N và anh T thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn và bất hòa, nguyên nhân là do cả hai không cùng quan điểm sống, hiện nay anh chị đã không còn chung sống với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T là trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N với anh T không còn sống chung với nhau nên cần chấp nhận cho chị N ly hôn với anh T.

[3.2]. Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/02/2014 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 22/02/2016, các con chung có nguyện vọng được ở với chị N, chị N có nguyện vọng nuôi con chung. Nên giao các con chung Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/02/2014 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 22/02/2016 cho chị N nuôi là phù hợp, đúng với nguyện vọng của các con chung. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[4.] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không đề cập giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị N đã nộp.

[6]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc ly H anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/02/2014 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 22/02/2016 cho chị Nguyễn Thị N có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Văn T có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba*

trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0004607 ngày 16 tháng 4 năm 2025.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm